TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2023
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thấu

Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn QĐ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn QĐ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn QĐ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 107, phố V, khu 3, phường TB, thành phố D, tỉnh Hải Dương

Tại phiên tòa có mặt chị B, anh H, bà T1; vắng mặt anh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2023 và trong quá trình giải quyết,

nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào ngày 15/4/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về kinh tế, anh H đi làm không mang tiền về nuôi con. Anh H còn đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn, bỏ qua cho anh H nhiều lần mong anh thay đổi nhưng anh H vẫn chứng nào tật ấy. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Thùy A1, sinh ngày 21/01/2015 và cháu Nguyễn Phương A2, sinh ngày 25/10/2018. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi hai con, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh nhất trí với ý kiến chị B về điều kiện, hoàn cảnh, việc đăng ký kết hôn. Anh xác định sau khi kết hôn, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thỉnh thoảng xô xát, đánh nhau. Tính anh nóng nảy, có đánh vợ nhưng một, hai tuần sau, anh suy nghĩ thì anh lại xin lỗi chị B. Bản thân anh không muốn ly hôn, nhưng do chị B quá căng thẳng, mặt khác anh xác định không còn tình cảm yêu thương chị B, mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn chị B.

- Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị B trình bày. Anh đề nghị để anh nuôi cháu A1 còn chị B nuôi cháu Phương A2. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị B yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H. Quá trình vợ chồng anh H, chị B chung sống có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H nóng tính nên đánh, chửi vợ. Tuy nhiên, sau mỗi lần như vậy thì anh H đều xin lỗi chị B. Bà có khuyên giải anh chị suy nghĩ lại, nghĩ đến các con còn nhỏ, không ly hôn nhưng chị B vẫn làm đơn đến Tòa án. Bà đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu anh chị ly hôn thì bà đề nghị giao cháu A1 cho anh H nuôi dưỡng, bà sẽ hỗ trợ anh H chăm sóc cháu.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn T2 trình bày: Anh là anh trai của chị

B. Anh được chị B kể lại việc vợ chồng anh H, chị B có xảy ra xô xát. Vợ chồng anh đồng ý cho mẹ con chị B ở nhờ tại nhà anh chị tại ngôi nhà hai tầng ở phố V, khu 3, phường TB, thành phố D sau khi chị B ly hôn. Vợ chồng anh sẽ hỗ trợ chị B chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên toà:

Chị B giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh H, xin nuôi hai con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Nếu Tòa án giao cho chị nuôi một con thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị B tự nguyện nộp thay anh H tiền án phí.

Anh H đồng ý ly hôn, xin nuôi cháu A1, để chị B nuôi cháu Phương A2, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh H. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thùy A1, sinh ngày 21/01/2015 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nguyễn Phương A2, sinh ngày 25/10/2018 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B, anh H không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị B và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị B nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 15/4/2015, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra xô xát. Chị B xin ly hôn, anh H đồng ý. Hội

đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh H.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị B, anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Thùy A1, sinh ngày 21/01/2015 và cháu Nguyễn Phương A2, sinh ngày 25/10/2018, hiện đang ở cùng anh chị. Chị B xin nuôi hai con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con, nếu chị chỉ được nuôi một con thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; anh H xin nuôi cháu A1, để chị B nuôi cháu Phương A2, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B là công nhân tại Công ty X, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng, còn anh H là lao động tự do tại địa phương cũng có thu nhập. Về điều kiện chỗ ở: Sau khi ly hôn, chị B về ở nhờ nhà anh trai là Nguyễn Văn T2 tại phường TB, thành phố D; còn anh H ở cùng nhà mẹ đẻ là bà T1. Như vậy, chị B và anh H đều có điều kiện nuôi con nên cần giao cho anh chị mỗi người nuôi một con. Tuy cháu A1 có nguyện vọng ở với mẹ nhưng xét thấy cháu A1 đang học tại trường tiểu học xã T, cháu Phương A2 còn bé, cần sự chăm sóc của mẹ nên để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các cháu, cần giao cháu Phương A2 cho chị B nuôi dưỡng, giao cháu A1 cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B và anh H không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị B và anh H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Do chị B tự nguyện nộp thay anh H án phí nên chấp nhận sự tự nguyện của chị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thùy A1, sinh ngày 21/01/2015 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là cháu Nguyễn Phương A2, sinh ngày 25/10/2018 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B, anh H không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị B phải nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000864 ngày 24/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Trả lại chị B 150.000 đồng tạm ứng án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Tân Tiến;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh